TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Châu.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Đ, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 95, ấp 2, xã H , huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 95, ấp 2, xã H , huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phan Thị Điển trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh T tự nguyện sống chung, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H , huyện Bến Cát (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, quyển số 01/2008 ngày 21 tháng 3 năm 2008. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh T sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T sống vô trách nhiệm, không quan tâm với vợ và con, anh T thường ghen và có lời lẽ xúc phạm chị Đ, mặc dù chị Đ đã khuyên ngăn để anh T chí thú làm ăn nhưng anh T không hề thay đổi. Chị Đ và anh T không còn sống chung. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 01 người con chung là cháu Hoàng Xuân Kiệt, sinh ngày 04-9-2011. Tại đơn khởi kiện ngày 06-2-2020, chị Đ có nguyện vọng trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Kiệt mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), cho đến khi cháu Kiệt đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 27-5-2020, chị Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị Đ đồng ý giao cháu Hoàng Xuân Kiệt, sinh ngày 04-9-2011 cho anh T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Đ; Đơn xin xác nhận thường trú tại địa phương; giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); trích lục giấy khai sinh. Chị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin vắng mặt trong các lần kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và các lần xét xử.

Bị đơn là anh Hoàng Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai nhưng bị đơn anh T đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Đồng thời, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Đ a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của chị Đ về việc ly hôn; anh Hoàng Xuân T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 2, xã H , huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Đ a khoản 1 Điều 35; Đ a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn là chị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin vắng mặt trong các lần kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và các lần xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cố tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Đ b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đ và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H , huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, quyển số 01 ngày 21 tháng 3 năm 2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T vì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ nhiều năm nhưng trầm trọng nhất là tháng 2-2020 cho đến nay mà không thể khắc phục, dẫn đến vợ chồng không còn sống chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú (tại bút lục số 23) được biết: Trong quá trình chung sống, giữa chị Đ và anh T có mâu thuẫn hay không thì chính quyền không nắm được nhưng hiện nay chị Đ và anh T không còn sống chung. Do đó, yêu cầu ly hôn của Đ đối với anh T là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đ và anh T có 01 con chung là là cháu Hoàng Xuân Kiệt, sinh ngày 04-9-2011. Khi ly hôn, chị Đ đồng ý giao cháu Hoàng Xuân Kiệt, sinh ngày 04-9-2011 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con. Xét, cháu Hoàng Xuân K, sinh ngày 04-9-2011 hiện do anh T nuôi dưỡng. Anh T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Kiệt cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh T được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng*).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Đ a khoản 1 Điều 35; Đ a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Đ a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Đ về việc ly hôn với bị đơn anh Hoàng Xuân T.

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Xuân K, sinh ngày 04-9-2011cho anh Hoàng Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Đ và anh Hoàng Xuân T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Đ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0021434 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã H , H. Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng